

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 13/7/2026 của Ban Thường vụ Thành ủy về tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo trong quản lý hoạt động bến, bãi ven sông, kênh trục nội đồng trên địa bàn thành phố

Thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 13 tháng 7 năm 2026 của Ban Thường vụ Thành ủy về tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo trong quản lý hoạt động bến, bãi ven sông, kênh trục nội đồng trên địa bàn thành phố.

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 698/TTr-SNNMT ngày 29/7/2026 và Công văn số 10132/SNNMT-CCTNNPCTT ngày 12/8/2026; ý kiến các thành viên Ủy ban nhân dân thành phố; Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện; như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Cụ thể hóa và tổ chức thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 10-NQ/TU, đảm bảo hoàn thành mục tiêu của Nghị quyết; tạo sự thống nhất trong quản lý hoạt động bến, bãi trên địa bàn thành phố; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; đưa hoạt động bến, bãi vào nền nếp, phù hợp quy hoạch, bảo đảm an toàn đề điều, thủy lợi, phòng, chống thiên tai, giao thông, môi trường và phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

2. Yêu cầu

- Việc triển khai phải bám sát Nghị quyết số 10-NQ/TU và quy định của pháp luật; bảo đảm đồng bộ, đúng tiến độ, rõ nhiệm vụ, trách nhiệm, thời gian, sản phẩm và thẩm quyền.

- Các Sở, ngành chủ động hướng dẫn, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc thuộc lĩnh vực quản lý; không để chậm hướng dẫn làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện.

- Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm kiểm tra, rà soát, phân loại, xác định phương án, lộ trình xử lý đối với từng bến, bãi và tổ chức xử lý vi phạm theo thẩm quyền.

- Tổ chức, cá nhân chấp hành yêu cầu, phối hợp với cơ quan nhà nước trong quá trình kiểm tra, rà soát và phân loại, hoàn thiện hồ sơ, khắc phục vi phạm.

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Kiểm tra, rà soát, phân loại bến, bãi

- Kiểm tra, rà soát, thống kê toàn bộ bến, bãi hiện trạng và xác định, đề xuất bến, bãi mới. Đối với từng bến, bãi, xác định chủ thể quản lý, vị trí, diện

tích sử dụng đất, hiện trạng sử dụng đất, tình trạng quy hoạch; các thủ tục về đất đai, đầu tư, giao thông, xây dựng, đề điều, thủy lợi, môi trường; nghĩa vụ tài chính; vi phạm và kết quả xử lý vi phạm (nếu có).

- Phân loại theo bộ tiêu chí, nguyên tắc quy định tại Phụ lục II kèm theo Kế hoạch này

+ Nhóm (1): Bến, bãi đáp ứng tiêu chí tại khoản 1 Mục II được đề xuất cập nhật, bổ sung vào các quy hoạch có liên quan.

+ Nhóm (2): Bến, bãi không thuộc nhóm (1), nhưng vị trí đất đáp ứng tiêu chí tại khoản 2 Mục II, được đề xuất xem xét áp dụng cơ chế cho thuê đất ngắn hạn hoặc tiếp tục cho thuê đất đối với bến, bãi có chủ trương đầu tư còn hiệu lực phù hợp quy định của pháp luật.

+ Nhóm (3): Bến, bãi không thuộc nhóm (1) và nhóm (2), được xác định phương án, trách nhiệm, lộ trình và thời hạn chấm dứt hoạt động, giải tỏa theo quy định.

+ Nhóm (4): Đối với khu vực hiện chưa hình thành bến, bãi, nếu đáp ứng tiêu chí tại khoản 1 Mục II thì được lập danh mục để nghiên cứu bố trí bến, bãi mới và đề xuất cập nhật, bổ sung vào các quy hoạch có liên quan.

- Lập hồ sơ đối với từng bến, bãi và danh mục tổng hợp trên địa bàn theo Phụ lục III, IV, V kèm theo Kế hoạch này.

2. Giải pháp, phương án thực hiện

a) Cập nhật, bổ sung bến, bãi vào quy hoạch

- Xác định danh mục bến, bãi cập nhật, bổ sung vào quy hoạch chung thành phố.

- Rà soát, nghiên cứu bố trí các khu vực bến, bãi tập trung và khu vực thay thế các bến, bãi phải chấm dứt hoạt động; ưu tiên khu vực có kết nối giao thông thuận lợi, phục vụ sản xuất, xây dựng và dân sinh.

b) Xác định danh mục, vị trí được xem xét cho thuê đất ngắn hạn

- Rà soát các bến, bãi đang hoạt động có vị trí đất có khả năng khai thác, sử dụng ngắn hạn trong thời gian chưa đưa đất vào sử dụng theo quy hoạch, dự án hoặc phương án chính thức.

- Đối với từng vị trí, xác định nguồn gốc, hiện trạng sử dụng đất, chủ thể quản lý, sử dụng, diện tích, tài sản và công trình trên đất; phương án thu hồi, tiếp nhận, bàn giao hoặc giao quản lý quỹ đất.

- Sau khi quỹ đất được giao cho tổ chức có chức năng quản lý, việc lập danh mục, phê duyệt và tổ chức cho thuê thực hiện theo Quyết định số 158/2025/QĐ-UBND ngày 12 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố và các quy định có liên quan.

- Đối với bến, bãi có chủ trương đầu tư còn hiệu lực, rà soát để xem xét cho thuê đất hoặc tiếp tục cho thuê đất ngắn hạn phù hợp quy định của pháp luật.

c) Hướng dẫn hoàn thiện thủ tục pháp lý

- Đối với nhóm (1), rà soát, xác định và hướng dẫn trình tự, thủ tục pháp lý còn thiếu. Đối với nhóm (4), hướng dẫn thực hiện các thủ tục về quy hoạch, đầu tư, đất đai, giao thông, xây dựng, đề điều, thủy lợi, môi trường.

- Đối với nhóm (2), hướng dẫn thực hiện trình tự thủ tục cho thuê đất ngắn hạn theo Quyết định số 158/2025/QĐ-UBND ngày 12 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố.

- Xác định rõ cơ quan hướng dẫn, nội dung công việc, hồ sơ, tổ chức, cá nhân thực hiện và thời hạn hoàn thành đối với từng thủ tục.

- Chủ bến, bãi có trách nhiệm lập hồ sơ, hoàn thiện thủ tục, thực hiện nghĩa vụ tài chính, khắc phục vi phạm và chịu trách nhiệm về hồ sơ, tài liệu cung cấp.

d) Xử lý vi phạm; chấm dứt hoạt động, giải tỏa

- Phân loại, xác định danh mục vi phạm theo từng lĩnh vực và từng bến, bãi; xác định cơ quan thực hiện, biện pháp, lộ trình và thời hạn xử lý.

- Tổ chức xử lý vi phạm về đất đai, đầu tư, giao thông, xây dựng, đề điều, thủy lợi, môi trường theo thẩm quyền.

- Đối với nhóm (3), xây dựng phương án, lộ trình, thời hạn chấm dứt hoạt động, giải tỏa, hoàn trả mặt bằng và thông báo cho tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng bến, bãi.

- Vận động tổ chức, cá nhân tự giác chấp hành; trường hợp không chấp hành, lập hồ sơ và thực hiện biện pháp cưỡng chế theo đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục.

- Tập trung xử lý, tháo dỡ công trình, nhà lán, vật cản vi phạm hành lang bảo vệ đề điều, công trình thủy lợi, hành lang thoát lũ và hành lang an toàn giao thông đường thủy.

- Không để bến, bãi đã chấm dứt hoạt động, giải tỏa tái hoạt động; kịp thời phát hiện, xử lý vi phạm mới phát sinh.

e) Rà soát, thực hiện nghĩa vụ tài chính

- Rà soát diện tích, thời gian sử dụng đất, mặt nước; tình trạng giao đất, cho thuê đất; tiền thuê đất, thuế, phí và các khoản phải nộp có liên quan.

- Xác định nghĩa vụ tài chính đối với diện tích sử dụng ngoài phạm vi được giao, được thuê hoặc trường hợp chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính.

- Đôn đốc thu đúng, thu đủ; xử lý hoặc kiến nghị xử lý các trường hợp chậm nộp, không nộp hoặc kê khai không đầy đủ.

g) Tuyên truyền, kiểm tra, giám sát và báo cáo

- Tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết số 10-NQ/TU, Kế hoạch này và các quy định pháp luật có liên quan.

- Thông báo đến tổ chức, cá nhân về kết quả phân loại, thủ tục còn thiếu, nghĩa vụ tài chính, vi phạm phải khắc phục và thời hạn thực hiện.

- Đưa nội dung quản lý bến, bãi vào chương trình công tác, kế hoạch kiểm tra hằng năm; tổ chức kiểm tra định kỳ, đột xuất, xử lý trách nhiệm nếu để xảy ra vi phạm.

- Thường xuyên cập nhật hồ sơ, danh mục quản lý, tình trạng pháp lý, vi phạm, nghĩa vụ tài chính và kết quả xử lý đối với từng bến, bãi. Từng bước ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu số về bến, bãi, phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm.

- Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Nhiệm vụ cụ thể, cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, thời gian hoàn thành, sản phẩm và trách nhiệm thực hiện của từng cơ quan, đơn vị, địa phương được quy định tại Phụ lục I kèm theo Kế hoạch này. Ngoài các nhiệm vụ tại Phụ lục I, các cơ quan, đơn vị thực hiện các nội dung sau:

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Là cơ quan thường trực, đầu mối theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và tổng hợp kết quả thực hiện Kế hoạch.

- Chủ trì hướng dẫn xác định danh mục vị trí được xem xét áp dụng cơ chế cho thuê đất ngắn hạn; hướng dẫn các thủ tục về đất đai, môi trường, đê điều, thủy lợi.

- Tổng hợp các trường hợp khó khăn, vướng mắc hoặc vượt thẩm quyền, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, chỉ đạo.

- Theo dõi kết quả thực hiện, định kỳ tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã

- Chịu trách nhiệm trực tiếp về công tác quản lý bến, bãi trên địa bàn.

- Tổ chức kiểm tra thực địa, hoàn thiện hồ sơ, phân loại và xác định phương án, lộ trình xử lý đối với từng bến, bãi; chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác của thông tin, số liệu và kết quả rà soát.

- Thông báo, hướng dẫn và đôn đốc tổ chức, cá nhân hoàn thiện thủ tục, thực hiện nghĩa vụ tài chính, khắc phục vi phạm hoặc chấm dứt hoạt động, giải tỏa.

- Tổ chức xử lý vi phạm theo thẩm quyền; trường hợp vượt thẩm quyền, lập hồ sơ, báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý.

- Thường xuyên kiểm tra, ngăn chặn vi phạm mới và không để bến, bãi đã chấm dứt hoạt động, giải tỏa tái hoạt động.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm nếu để xảy ra vi phạm mới, để bến, bãi đã chấm dứt hoạt động, giải tỏa tái hoạt động hoặc không kịp thời phát hiện, xử lý dứt điểm các vi phạm trên địa bàn.

3. Sở Xây dựng

- Chủ trì rà soát, tổng hợp danh mục bến, bãi đáp ứng tiêu chí; tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố trình cấp có thẩm quyền xem xét cập nhật, bổ sung vào Quy hoạch chung thành phố và các quy hoạch có liên quan theo quy định pháp luật về quy hoạch.

- Rà soát, nghiên cứu bố trí khu vực hiện chưa hình thành bến, bãi để xây dựng bến, bãi tập trung hoặc thay thế các bến, bãi phải chấm dứt hoạt động.

- Hướng dẫn các nội dung về quy hoạch, xây dựng, hạ tầng kỹ thuật và giao thông thuộc phạm vi quản lý.

4. Sở Tài chính

- Hướng dẫn giải quyết thủ tục về đầu tư theo quy định.

- Phối hợp với các đơn vị liên quan trong công tác quản lý thu, chính sách thu tiền thuê đất/mặt nước.

- Phối hợp rà soát, xác định nghĩa vụ tài chính theo quy định.

5. Sở Tư pháp

Phối hợp hướng dẫn trình tự, thủ tục, thẩm quyền xử lý vi phạm, chấm dứt hoạt động, giải tỏa, cưỡng chế khi có chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố hoặc đề nghị của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

6. Công an thành phố

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương nắm chắc tình hình, bảo đảm an ninh, trật tự trong quá trình kiểm tra, rà soát, phân loại, xử lý các bến, bãi; chủ động phát hiện, đấu tranh, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật có liên quan theo thẩm quyền; phòng ngừa, ngăn chặn các hành vi chống đối, cản trở người thi hành công vụ.

- Hướng dẫn, kiểm tra việc chấp hành quy định về phòng cháy, chữa cháy, an ninh, trật tự và vận chuyển hàng hóa, vật liệu.

7. Sở Công Thương

Hướng dẫn, kiểm tra hoạt động kinh doanh hàng hóa tại các bến, bãi; phối hợp xử lý hàng hóa không rõ nguồn gốc hoặc vi phạm điều kiện kinh doanh.

8. Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan liên quan rà soát, thống kê, phân loại các bến, bãi trong phạm vi khu công nghiệp, khu kinh tế; cung cấp hồ sơ, thông tin thuộc phạm vi quản lý và tham gia đề xuất phương án xử lý đối với từng trường hợp.

- Hướng dẫn, đôn đốc các doanh nghiệp chấp hành quy định pháp luật; cung cấp hồ sơ, hoàn thiện thủ tục pháp lý, thực hiện nghĩa vụ tài chính và khắc phục vi phạm theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

- Kiểm tra, xử lý hoặc kiến nghị xử lý vi phạm theo chức năng, thẩm quyền; tổng hợp khó khăn, vướng mắc gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường để báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, chỉ đạo.

9. Sở Nội vụ

Trên cơ sở các kết luận thanh tra, kiến nghị của cấp có thẩm quyền hoặc phát sinh vụ việc chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét trách nhiệm, xử lý kỷ luật theo quy định đối với người đứng đầu thiếu trách nhiệm trong quản lý, để phát sinh vi phạm mới, vi phạm kéo dài hoặc để bền, bãi đã chấm dứt hoạt động, giải tỏa tái hoạt động.

10. Thuế thành phố Hải Phòng

Chủ trì rà soát, xác định, đôn đốc thực hiện nghĩa vụ thuế, tiền thuê đất, phí, lệ phí và các khoản thu có liên quan; xử lý hoặc kiến nghị xử lý các trường hợp gây thất thu ngân sách.

11. Thanh tra thành phố

Tổ chức thanh tra theo kế hoạch hoặc đột xuất; theo dõi việc thực hiện kết luận thanh tra và kiến nghị xử lý trách nhiệm đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân để xảy ra vi phạm hoặc không thực hiện đầy đủ trách nhiệm quản lý.

12. Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố

- Phối hợp rà soát các vị trí đất đề xuất thu hồi, tiếp nhận, bàn giao hoặc giao quản lý để xem xét cho thuê ngắn hạn.

- Tiếp nhận, quản lý quỹ đất theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

- Lập danh mục, trình phê duyệt và tổ chức cho thuê quỹ đất ngắn hạn theo Quyết định số 158/2025/QĐ-UBND ngày 12 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố.

- Kiểm tra việc sử dụng đất, thu hồi mặt bằng và xử lý tài sản, công trình trên đất khi hết thời hạn thuê hoặc khi Nhà nước thực hiện quy hoạch, dự án.

13. Các tổ chức khai thác công trình thủy lợi

Phối hợp rà soát bến, bãi ven kênh trục nội đồng, trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi; cung cấp hồ sơ, phát hiện, báo cáo và phối hợp xử lý các trường hợp ảnh hưởng đến vận hành, cấp nước, tiêu thoát nước và an toàn công trình.

14. Báo và phát thanh, truyền hình Hải Phòng

Tuyên truyền chủ trương của Thành ủy, Kế hoạch của Ủy ban nhân dân thành phố và các quy định pháp luật có liên quan; phản ánh kịp thời tình hình và kết quả thực hiện.

15. Các sở, ngành, cơ quan, đơn vị khác

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và Phụ lục kèm theo Kế hoạch, chủ động hướng dẫn, kiểm tra, phối hợp giải quyết thủ tục pháp lý, xử lý vi phạm và thực hiện các nhiệm vụ được giao.

16. Tổ chức, cá nhân có hoạt động bên, bãi

- Cung cấp đầy đủ, chính xác hồ sơ, tài liệu; phối hợp với cơ quan nhà nước trong quá trình kiểm tra, rà soát và phân loại.

- Chủ động hoàn thiện thủ tục pháp lý, thực hiện nghĩa vụ tài chính, khắc phục vi phạm và chấp hành quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

- Chấm dứt hoạt động, di chuyển vật liệu, thiết bị, tháo dỡ công trình và hoàn trả mặt bằng theo phương án, lộ trình được yêu cầu.

17. Chế độ thông tin, báo cáo

- Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị liên quan báo cáo kết quả thực hiện 06 tháng trước ngày 10 tháng 6 và báo cáo năm trước ngày 10 tháng 12 hằng năm, gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố kết quả thực hiện 06 tháng trước ngày 15 tháng 6, kết quả năm trước ngày 15 tháng 12; tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố trước ngày 20 tháng 12; phối hợp với Văn phòng Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố dự thảo văn bản của Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo Ban Thường vụ Thành ủy qua Văn phòng Thành ủy trước ngày 25 tháng 12 hằng năm.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, trường hợp có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động giải quyết theo thẩm quyền; nội dung vượt thẩm quyền gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, chỉ đạo./.

(Gửi kèm theo các Phụ lục I, II, III, IV, V)

Nơi nhận:

- Ban Thường vụ Thành ủy (để báo cáo);
- Đảng ủy UBND thành phố; (để báo cáo)
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND thành phố;
- Các Sở, ban, ngành thành phố;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- Thanh tra thành phố;
- Thuế thành phố Hải Phòng;
- Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố;
- Các Công ty TNHH MTV KTCTTL;
- Báo và PTTH Hải Phòng;
- CVP, các PCVP UBND TP;
- Phòng: NNMT, XDCT, TC, NC, NV&KTGS;
- Lưu: VT, N.Đ.Minh.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Văn Quân

PHỤ LỤC I
PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm	Trách nhiệm thực hiện
1	Tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết số 10-NQ/TU, Kế hoạch, tiêu chí và quy định liên quan đến từng chủ bến, bãi.	Ủy ban nhân dân cấp xã	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng; Công an thành phố; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp.	Thực hiện ngay sau khi Kế hoạch được ban hành và thường xuyên.	Tài liệu tuyên truyền; biên bản hoặc danh sách chủ bến, bãi đã được phổ biến.	Tổ chức tuyên truyền; yêu cầu cung cấp hồ sơ và chấp hành phương án xử lý.
2	Tuyên truyền trên phương tiện thông tin đại chúng về chủ trương, tiến độ, kết quả và vi phạm điển hình.	Báo và Phát thanh, Truyền hình Hải Phòng	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Ủy ban nhân dân cấp xã; Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng và các cơ quan liên quan.	Thực hiện thường xuyên.	Tin, bài, phóng sự hoặc chuyên mục đã đăng, phát.	Xây dựng, đăng, phát nội dung kịp thời, chính xác, đúng định hướng.
3	Hướng dẫn rà soát nguồn gốc, hiện trạng sử dụng đất, tháo gỡ vướng mắc về đất đai và thủ tục xử lý quỹ đất, cho thuê đất ngắn hạn.	Sở Nông nghiệp và Môi trường (Phòng Quản lý đất đai)	Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố; Sở Tài chính; Sở Tư pháp; Ủy ban nhân dân cấp xã; Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng.	Trước ngày 30/8/2026 và thường xuyên	Văn bản hướng dẫn; biểu mẫu và hồ sơ đề xuất xử lý đất.	Hướng dẫn căn cứ, hồ sơ, trình tự thu hồi, tiếp nhận, bàn giao, giao quản lý và cho thuê đất ngắn hạn.
4	Hướng dẫn rà soát, xác định vi phạm và yêu cầu bảo đảm an toàn đề điều, thoát lũ, thủy lợi, tài nguyên nước và phòng, chống thiên tai.	Sở Nông nghiệp và Môi trường (Chi cục Quản lý tài nguyên nước và Phòng, chống thiên tai)	Các Hạt Quản lý đề điều; Các tổ chức khai thác công trình thủy lợi; Ủy ban nhân dân cấp xã; Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng và các cơ quan liên quan.	Trước ngày 30/8/2026	Văn bản hướng dẫn; phiếu rà soát hiện trạng, vi phạm và biện pháp khắc phục.	Chỉ đạo các Hạt Quản lý đề điều đối chiếu hồ sơ, phối hợp kiểm tra thực địa, đề xuất xử lý.
5	Hướng dẫn rà soát thủ tục, điều kiện và vi phạm về môi trường đối với hoạt động bến, bãi, tháo gỡ vướng mắc về môi trường đối với từng bến, bãi	Sở Nông nghiệp và Môi trường (Phòng Quản lý môi trường)	Ủy ban nhân dân cấp xã; Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng; chủ bến, bãi và các cơ quan liên quan.	Trước ngày 30/8/2026 và thường xuyên	Văn bản hướng dẫn; phiếu rà soát thủ tục, công trình bảo vệ môi trường và vi phạm.	Hướng dẫn xác định thủ tục, yêu cầu bảo vệ môi trường và biện pháp khắc phục.

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm	Trách nhiệm thực hiện
6	Hướng dẫn rà soát vi phạm về khoáng sản thuộc phạm vi quản lý.	Sở Nông nghiệp và Môi trường (Phòng khoáng sản, biển và Hải đảo)	Ủy ban nhân dân cấp xã; Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng; Sở Công Thương; Công an thành phố và các cơ quan liên quan.	Trước ngày 30/8/2026	Văn bản hướng dẫn theo lĩnh vực.	Phân công đơn vị hướng dẫn, giải quyết hoặc tham mưu xử lý từng nội dung.
7	Hướng dẫn đánh giá sự phù hợp quy hoạch và thủ tục xây dựng, hạ tầng kỹ thuật, giao thông.	Sở Xây dựng	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Ủy ban nhân dân cấp xã; Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng và các cơ quan liên quan.	Trước ngày 30/8/2026.	Văn bản hướng dẫn; biểu mẫu rà soát quy hoạch, xây dựng, hạ tầng và giao thông.	Hướng dẫn căn cứ, hồ sơ, trình tự và cơ quan giải quyết.
8	Hướng dẫn nội dung về đầu tư.	Sở Tài chính	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Xây dựng; Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố; Ủy ban nhân dân cấp xã.	Trước ngày 30/8/2026.	Văn bản hướng dẫn về đầu tư.	Hướng dẫn thủ tục về đầu tư.
9	Hướng dẫn rà soát điều kiện phòng cháy, chữa cháy, an ninh, trật tự và vận chuyển hàng hóa, vật liệu, tháo dỡ khó khăn, vướng mắc	Công an thành phố	Ủy ban nhân dân cấp xã; Sở Công Thương; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng.	Trước ngày 30/8/2026 và thường xuyên	Văn bản hướng dẫn; biểu mẫu kiểm tra và yêu cầu khắc phục.	Hướng dẫn tự rà soát, kiểm tra và khắc phục vi phạm.
10	Nắm bắt tình hình, bảo đảm an ninh, trật tự trong quá trình rà soát, xử lý bến, bãi; đấu tranh, xử lý tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật liên quan theo thẩm quyền; đảm bảo an ninh, trật tự trong quá trình tổ chức cưỡng chế, giải tỏa	Công an thành phố	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Xây dựng; Sở Tài chính; Thanh tra Thành phố; Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan liên quan	Thường xuyên	Kế hoạch hoặc phương án bảo đảm an ninh, trật tự; biên bản, báo cáo kết quả xử lý vụ việc; hồ sơ phối hợp cưỡng chế, giải tỏa khi có yêu cầu.	Tham gia đảm bảo an ninh trật tự trong quá trình xử lý vi phạm liên quan đến bến, bãi theo thẩm quyền
11	Hướng dẫn rà soát hoạt động, điều kiện kinh doanh và nguồn gốc hàng hóa và tháo gỡ khó khăn, vướng mắc.	Sở Công Thương	Công an thành phố; Ủy ban nhân dân cấp xã; Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng; cơ quan quản lý thị trường.	Trước ngày 30/8/2026 và thường xuyên	Văn bản hướng dẫn; biểu mẫu rà soát điều kiện kinh doanh, nguồn gốc hàng hóa.	Hướng dẫn hồ sơ, điều kiện kinh doanh và xác minh nguồn gốc hàng hóa.

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm	Trách nhiệm thực hiện
12	Hướng dẫn rà soát, xác định nghĩa vụ thuế, tiền thuê đất, phí, lệ phí và các khoản phải nộp.	Thuế thành phố Hải Phòng	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Tài chính; Ủy ban nhân dân cấp xã; Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng.	Trước ngày 30/8/2026	Văn bản hướng dẫn; biểu mẫu cung cấp thông tin và xác định nghĩa vụ tài chính.	Hướng dẫn căn cứ, dữ liệu, cách xác định và trách nhiệm kê khai, nộp.
13	Hướng dẫn, đơn đốc doanh nghiệp có bến, bãi trong khu công nghiệp, khu kinh tế rà soát, cung cấp hồ sơ và chấp hành pháp luật.	Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Xây dựng; Công an thành phố; Sở Công Thương; Thuế thành phố Hải Phòng; Ủy ban nhân dân cấp xã.	Trước ngày 30/8/2026	Văn bản đơn đốc; danh mục doanh nghiệp, bến, bãi trong khu công nghiệp, khu kinh tế.	Thông báo yêu cầu, đầu mối hướng dẫn; theo dõi việc cung cấp hồ sơ và chấp hành.
14	Kiểm tra thực địa, rà soát, phân loại, thống kê và lập hồ sơ riêng đối với từng bến, bãi theo biểu mẫu, hướng dẫn, tiêu chí.	Ủy ban nhân dân cấp xã	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Xây dựng; Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng; các Hạt Quản lý đề điều; tổ chức khai thác công trình thủy lợi; cơ quan thuế và các đơn vị liên quan.	Trước ngày 30/9/2026.	01 hồ sơ đối với từng bến, bãi; danh mục tổng hợp trên địa bàn theo nhóm phân loại.	Xác định vị trí, diện tích, chủ thể, nguồn gốc đất, hiện trạng, quy hoạch, pháp lý và hoạt động. Phân loại theo tiêu chí, nguyên tắc
15	Xác định thủ tục còn thiếu, nghĩa vụ tài chính, vi phạm và biện pháp khắc phục đối với từng bến, bãi; đề xuất phương án xử lý từng trường hợp.	Ủy ban nhân dân cấp xã	Các sở, ngành theo lĩnh vực quản lý; Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng; các Hạt Quản lý đề điều; tổ chức khai thác công trình thủy lợi.	Trước ngày 05/10/2026.	Bảng tổng hợp từng bến, bãi: thủ tục còn thiếu, vi phạm, nghĩa vụ tài chính, biện pháp, cơ quan và thời hạn xử lý.	Đối chiếu hồ sơ, hiện trạng với tiêu chí, hướng dẫn; nêu rõ căn cứ và đề xuất xử lý.
16	Tổng hợp kết quả rà soát, lập hồ sơ, xác định vi phạm và phân loại toàn thành phố.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Ủy ban nhân dân cấp xã; Sở Xây dựng; Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng và các cơ quan liên quan.	Trước ngày 25/10/2026	Danh mục toàn thành phố theo 04 nhóm; báo cáo tổng hợp; danh sách vướng mắc theo lĩnh vực.	Kiểm tra, yêu cầu bổ sung hồ sơ; phân loại, chuyển vướng mắc đến cơ quan xử lý.

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm	Trách nhiệm thực hiện
17	Tháo gỡ vướng mắc về đề điều, thủy lợi, thoát lũ, phòng, chống thiên tai.	Sở Nông nghiệp và Môi trường (Chi cục Quản lý tài nguyên nước và Phòng, chống thiên tai)	Các Hạt Quản lý đề điều; tổ chức khai thác công trình thủy lợi; Ủy ban nhân dân cấp xã; Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng.	Thực hiện thường xuyên.	Văn bản yêu cầu khắc phục, kiến nghị xử lý hoặc hồ sơ trình cấp có thẩm quyền.	Kiểm tra hồ sơ, hiện trạng; xác định vi phạm, điều kiện và biện pháp khắc phục.
18	Tháo gỡ vướng mắc về khoáng sản, tài nguyên nước và lĩnh vực khác thuộc phạm vi quản lý.	Sở Nông nghiệp và Môi trường (các phòng, đơn vị chuyên môn được giao phụ trách)	Ủy ban nhân dân cấp xã; Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng; các cơ quan liên quan.	Thực hiện thường xuyên	Văn bản xử lý từng nội dung hoặc hồ sơ trình cấp có thẩm quyền.	Phân công đơn vị xử lý từng nội dung, không để chậm tiến độ chung.
19	Tháo gỡ vướng mắc về quy hoạch, xây dựng, hạ tầng kỹ thuật và giao thông.	Sở Xây dựng	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Ủy ban nhân dân cấp xã; Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng và các cơ quan liên quan.	Thực hiện thường xuyên	Văn bản xử lý từng trường hợp; danh mục hồ sơ phải điều chỉnh, bổ sung.	Xác định nội dung đủ điều kiện, phải bổ sung, điều chỉnh hoặc không đủ điều kiện.
20	Tháo gỡ vướng mắc về đầu tư.	Sở Tài chính	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Xây dựng; Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố; Ủy ban nhân dân cấp xã.	Thực hiện thường xuyên	Văn bản xử lý từng trường hợp.	Xác định trách nhiệm, trình tự thực hiện.
21	Xác định, đôn đốc thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với từng bến, bãi.	Thuế thành phố Hải Phòng	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Tài chính; Ủy ban nhân dân cấp xã; Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng.	Hoàn thành rà soát ban đầu trước ngày 15/10/2026; thực hiện thường xuyên.	Danh mục nghĩa vụ tài chính từng bến, bãi; thông báo nộp; kết quả thu, xử lý nợ.	Đối chiếu diện tích, thời gian, hiện trạng sử dụng; xác định, đôn đốc các khoản phải nộp.
22	Tháo gỡ vướng mắc đối với bến, bãi, doanh nghiệp trong khu công nghiệp, khu kinh tế.	Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng	Các sở, ngành theo lĩnh vực quản lý; Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan liên quan.	Thực hiện thường xuyên	Bảng tổng hợp từng trường hợp; văn bản đôn đốc hoặc đề xuất xử lý.	Phối hợp hướng dẫn doanh nghiệp hoàn thiện hồ sơ, khắc phục vi phạm; tổng hợp nội dung vượt thẩm quyền.

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm	Trách nhiệm thực hiện
23	Cập nhật bến, bãi nhóm (1), (4) vào quy hoạch chung thành phố.	Sở Xây dựng	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Ủy ban nhân dân cấp xã; Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng và các cơ quan liên quan.	Trước ngày 30/11/2026.	Danh mục cập nhật quy hoạch chung thành phố.	Đánh giá sự phù hợp và cập nhật vào Quy hoạch chung thành phố.
24	Tổng hợp danh mục vị trí nhóm (2) và phương án xử lý quỹ đất để xem xét cho thuê ngắn hạn.	Sở Nông nghiệp và Môi trường (Phòng Quản lý đất đai)	Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố; Sở Tài chính; Sở Xây dựng; Sở Tư pháp; Ủy ban nhân dân cấp xã; Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng.	Trước ngày 30/11/2026.	Danh mục nhóm (2); hồ sơ đất từng vị trí; phương án thu hồi, tiếp nhận, bàn giao hoặc giao quản lý; dự thảo văn bản trình.	Kiểm tra điều kiện, khả năng khai thác ngắn hạn và nội dung phải xử lý trước khi giao quản lý.
25	Tiếp nhận, quản lý quỹ đất; lập, trình phê duyệt danh mục và tổ chức cho thuê đất ngắn hạn.	Trung tâm Phát triển quỹ đất	Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Tài chính; Thuê thành phố Hải Phòng; Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan liên quan.	Sau khi được giao quản lý quỹ đất; theo tiến độ từng khu đất.	Biên bản tiếp nhận; danh mục được phê duyệt; thông báo công khai; hồ sơ lựa chọn; hợp đồng; biên bản bàn giao, thu hồi.	Công khai, lựa chọn người thuê, ký hợp đồng, bàn giao, kiểm tra sử dụng và thu hồi mặt bằng.
26	Xây dựng và thực hiện phương án xử lý, chấm dứt hoạt động, giải tỏa từng bến, bãi nhóm (3).	Ủy ban nhân dân cấp xã	Các sở, ngành theo lĩnh vực quản lý; Công an thành phố; Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng; các Hạt Quản lý đề điều; tổ chức khai thác công trình thủy lợi.	Hoàn thành phương án trước ngày 30/11/2026; thực hiện theo lộ trình, cơ bản hoàn thành đến hết năm 2028.	Phương án từng bến, bãi; quyết định xử lý; biên bản chấm dứt, tháo dỡ, giải tỏa, hoàn trả mặt bằng; hồ sơ cường chế (nếu có).	Thông báo, vận động, tổ chức xử lý; kiểm tra sau giải tỏa, không để tái hoạt động.
27	Thông báo kết quả phân loại và yêu cầu thực hiện đối với từng chủ bến, bãi.	Ủy ban nhân dân cấp xã	Các sở, ngành chuyên môn; Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng; Công an cấp xã; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp.	Trong 05 ngày làm việc kể từ khi có kết quả phân loại chính thức.	Văn bản thông báo từng bến, bãi; biên bản giao nhận; cam kết hoặc kế hoạch thực hiện.	Nêu rõ thủ tục, nghĩa vụ, vi phạm, yêu cầu, cơ quan hướng dẫn, thời hạn và hậu quả pháp lý.
28	Đôn đốc, giám sát các bến, bãi thực hiện theo thời gian, lộ trình thực hiện	Ủy ban nhân dân cấp xã	Các sở, ngành chuyên môn; Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng; Công	Đến hết năm 2028 các bến bãi hoạt động đủ thủ tục	Báo cáo thực hiện kế hoạch	Theo dõi, đôn đốc, tổng hợp kết quả, vướng mắc và đề xuất giải pháp.

STT	Nhiệm vụ cụ thể	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm	Trách nhiệm thực hiện
			an cấp xã; các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp.	pháp lý, đúng quy định pháp luật		
29	Xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu số về bến, bãi toàn thành phố.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Xây dựng; Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng; Ủy ban nhân dân cấp xã; các cơ quan liên quan.	Cập nhật bước đầu trước ngày 30/11/2026; thực hiện thường xuyên.	Cơ sở dữ liệu số, danh mục quản lý và hồ sơ điện tử từng bến, bãi.	Hướng dẫn cập nhật; kiểm tra, quản lý, khai thác và chia sẻ dữ liệu.
30	Thanh tra, kiểm tra trách nhiệm quản lý, chấp hành pháp luật và thực hiện phương án xử lý bến, bãi.	Thanh tra thành phố	Sở Nội vụ; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng; Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan liên quan.	Theo kế hoạch hằng năm hoặc đột xuất.	Kế hoạch hoặc quyết định thanh tra; kết luận; kiến nghị xử lý; báo cáo thực hiện kết luận.	Thanh tra trách nhiệm, xử lý vi phạm, giải tỏa và phòng ngừa tái vi phạm.
31	Tham mưu xem xét trách nhiệm, xử lý kỷ luật người đứng đầu thiếu trách nhiệm trong quản lý bến, bãi.	Sở Nội vụ	Thanh tra thành phố; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng; cơ quan, địa phương liên quan.	Khi có kết luận, kiến nghị hoặc phát sinh vụ việc.	Hồ sơ và văn bản đề xuất xem xét trách nhiệm, xử lý kỷ luật.	Thẩm định hồ sơ; tham mưu xử lý theo phân cấp.
32	Tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Văn phòng UBND thành phố; Văn phòng Đảng ủy UBND thành phố; Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng; Ủy ban nhân dân cấp xã; các sở, ngành liên quan.	Báo cáo 06 tháng trước ngày 15/6; báo cáo năm trước ngày 15/12; báo cáo Đảng ủy UBND thành phố trước ngày 20/12 hằng năm.	Báo cáo 06 tháng; báo cáo năm; dự thảo văn bản của Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo Ban Thường vụ Thành ủy.	Theo dõi, đôn đốc, tổng hợp kết quả, vướng mắc và đề xuất giải pháp.

Ghi chú:

1. Cơ quan chủ trì chịu trách nhiệm về tiến độ, chất lượng và kết quả nhiệm vụ.
2. Cơ quan phối hợp cung cấp hồ sơ, tham gia ý kiến và thực hiện nội dung thuộc thẩm quyền đúng thời hạn.
3. Nội dung vượt thẩm quyền phải kịp thời báo cáo, đề xuất cơ quan có thẩm quyền xem xét.
4. Nhiệm vụ đã quá hạn tại thời điểm ban hành Kế hoạch phải được hoàn thành ngay theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân thành phố.

PHỤ LỤC II
BỘ TIÊU CHÍ, NGUYÊN TẮC ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI BẾN, BÃI VEN
SÔNG, KÊNH TRỤC NỘI ĐỒNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2026 của
Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

I. NGUYÊN TẮC ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI

1. Việc đánh giá, phân loại được thực hiện đối với từng bến, bãi trên cơ sở kiểm tra thực địa, hồ sơ quản lý và quy định pháp luật có liên quan.
2. Kết quả đánh giá phải xác định rõ hiện trạng, tình trạng pháp lý, vi phạm và phương án xử lý đối với từng bến, bãi.
3. Bộ tiêu chí này là cơ sở để rà soát, phân loại và đề xuất phương án quản lý; không thay thế điều kiện, trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định của pháp luật chuyên ngành.
4. Việc đề xuất cập nhật vào quy hoạch hoặc đề xuất xem xét cho thuê đất ngắn hạn không đồng nghĩa với việc bến, bãi đương nhiên được tiếp tục hoạt động hoặc tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất đương nhiên được thuê đất.

II. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI

1. Tiêu chí xem xét cập nhật, bổ sung bến, bãi vào các quy hoạch có liên quan

Tiêu chí được áp dụng để đánh giá bến, bãi hiện hữu và rà soát khu vực dự kiến bố trí bến, bãi mới

Việc xem xét, đề xuất được thực hiện trên cơ sở các tiêu chí sau:

- a) Có nhu cầu thực tế phục vụ sản xuất, xây dựng, vận chuyển, tập kết, trung chuyển hàng hóa, dân sinh; phù hợp định hướng phát triển kinh tế - xã hội của thành phố và địa phương.
- b) Không xung đột với định hướng không gian, chức năng sử dụng đất, hành lang bảo vệ công trình và các quy hoạch có liên quan.
- c) Có kết nối thuận lợi với giao thông đường bộ, đường thủy; góp phần giảm cự ly vận chuyển, chi phí lưu thông và nâng cao hiệu quả sử dụng đất.
- d) Ưu tiên đất chưa sử dụng, sử dụng kém hiệu quả và khu vực bến, bãi tập trung; hạn chế bố trí phân tán, nhỏ lẻ, manh mún.
- đ) Bảo đảm an toàn đề điều, công trình thủy lợi, thoát lũ, phòng, chống thiên tai, giao thông đường thủy, môi trường, phòng cháy, chữa cháy, an ninh, trật tự và các yêu cầu chuyên ngành.
- e) Không thuộc khu vực sạt lở, có nguy cơ sạt lở; khu vực có nguy cơ mất an toàn công trình, ảnh hưởng hành lang bảo vệ đề điều, thủy lợi, giao thông hoặc khu vực pháp luật cấm, hạn chế hoạt động.

g) Không chồng lấn khu vực khai thác, dự trữ hoặc bảo vệ tài nguyên khoáng sản theo quy hoạch, trừ trường hợp được cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Trên cơ sở các tiêu chí trên, rà soát, đề xuất:

- Danh mục bến, bãi hiện hữu đề nghị xem xét cập nhật, bổ sung vào các quy hoạch có liên quan;
- Danh mục khu vực dự kiến bố trí bến bãi mới.

2. Tiêu chí xác định vị trí đất đề xuất xem xét cho thuê ngắn hạn

Tiêu chí này được sử dụng để rà soát các khu đất, thửa đất có nhu cầu sử dụng tạm thời làm bến, bãi, đề xuất đưa vào danh mục cho thuê đất ngắn hạn.

Việc đề xuất được xem xét trên cơ sở các tiêu chí sau:

- a) Có nhu cầu thực tế sử dụng tạm thời làm bến, bãi; trong thời gian dự kiến cho thuê, khu đất chưa phải sử dụng ngay để thực hiện quy hoạch, công trình, dự án, đấu giá quyền sử dụng đất hoặc nhiệm vụ khác của Nhà nước.
- b) Xác định được nguồn gốc, vị trí, ranh giới, diện tích, hiện trạng sử dụng, chủ thể quản lý, sử dụng và tài sản, công trình hiện có trên đất.
- c) Có khả năng thực hiện việc thu hồi, tiếp nhận, bàn giao hoặc giao cho tổ chức có chức năng quản lý, khai thác quỹ đất theo quy định.
- d) Việc sử dụng tạm thời không ảnh hưởng đến thực hiện quy hoạch, dự án, phương án sử dụng đất và việc thu hồi, bàn giao đất khi Nhà nước có yêu cầu.
- đ) Không thuộc khu vực pháp luật cấm, hạn chế hoạt động; có khả năng bảo đảm an toàn đề điều, công trình thủy lợi, thoát lũ, phòng, chống thiên tai, giao thông, môi trường và công trình hạ tầng có liên quan.
- e) Công trình, thiết bị phục vụ hoạt động có khả năng tháo dỡ, di chuyển và hoàn trả mặt bằng; không hình thành công trình kiên cố gây khó khăn cho việc thu hồi đất.

Trên cơ sở các tiêu chí trên, các cơ quan, địa phương rà soát, đề xuất danh mục khu đất, thửa đất xem xét cho thuê ngắn hạn.

Việc thu hồi, tiếp nhận, giao quản lý, phê duyệt danh mục và tổ chức cho thuê thực hiện theo Quyết định số 158/2025/QĐ-UBND ngày 12 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố và quy định pháp luật có liên quan.

Việc đưa khu đất, thửa đất vào danh mục đề xuất không làm phát sinh quyền thuê đất và không đồng nghĩa với việc tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất hoặc chủ bến, bãi hiện hữu đương nhiên được thuê đất.

III. PHÂN LOẠI VÀ ĐỀ XUẤT PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ

Nhóm (1): Bến, bãi đáp ứng tiêu chí tại khoản 1 Mục II được đề xuất cập nhật, bổ sung vào các quy hoạch có liên quan.

Nhóm (2): Bền, bãi không thuộc nhóm (1), nhưng vị trí đất đáp ứng tiêu chí tại khoản 2 Mục II, được đề xuất xem xét áp dụng cơ chế cho thuê đất ngắn hạn hoặc tiếp tục cho thuê đất đối với bền, bãi có chủ trương đầu tư còn hiệu lực phù hợp quy định của pháp luật.

Nhóm (3): Bền, bãi không thuộc nhóm (1) và nhóm (2), được xác định phương án, trách nhiệm, lộ trình và thời hạn chấm dứt hoạt động, giải tỏa theo quy định.

Nhóm (4): Đối với khu vực hiện chưa hình thành bền, bãi, nếu đáp ứng tiêu chí tại khoản 1 Mục II thì được lập danh mục để nghiên cứu bố trí bền, bãi mới và đề xuất cập nhật, bổ sung vào các quy hoạch có liên quan.

IV. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI

1. Ủy ban nhân dân cấp xã lập Phiếu đánh giá, phân loại đối với từng bền, bãi, trong đó xác định:

- Tên, vị trí, diện tích và hiện trạng hoạt động;
- Chủ thể quản lý, sử dụng và nguồn gốc đất;
- Tình trạng quy hoạch và hồ sơ pháp lý;
- Vi phạm, nghĩa vụ tài chính và khả năng khắc phục;
- Kết quả đối chiếu tiêu chí và nhóm phân loại đề xuất;
- Phương án xử lý, cơ quan thực hiện và thời hạn hoàn thành.

2. Các sở, ngành căn cứ chức năng, nhiệm vụ tham gia ý kiến đối với nội dung thuộc lĩnh vực quản lý.

Kết quả đánh giá, phân loại là cơ sở để lập danh mục, hướng dẫn hoàn thiện thủ tục, xử lý vi phạm, chấm dứt hoạt động, giải tỏa và đề xuất cập nhật vào các quy hoạch có liên quan.

PHỤ LỤC III
HỒ SƠ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI BẾN, BÃI

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

1. Thông tin chung về tổ chức, cá nhân

- Tên tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng bến, bãi:
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh số:
- Ngành, nghề hoạt động:
- Địa chỉ trụ sở hoặc nơi cư trú:
- Mã số thuế:
- Người đại diện hoặc người trực tiếp quản lý bến, bãi:
- Số điện thoại liên hệ:
- Tổ chức, cá nhân thuê, thuê lại, liên doanh, liên kết hoặc sử dụng một phần bến, bãi (nếu có):

2. Thông tin về bến, bãi

2.1. Vị trí, quy mô

- Tên bến, bãi:
- Địa chỉ: thôn/tổ dân phố, xã/phường/đặc khu
- Vị trí theo tuyến sông, kênh, đê hoặc công trình thủy lợi:
- Tọa độ vị trí, ranh giới bến, bãi:
- Tổng diện tích thực tế đang sử dụng: m².

2.2. Nguồn gốc và hiện trạng sử dụng đất

- Loại đất, nguồn gốc sử dụng đất:
- Chủ thể được giao đất, cho thuê đất hoặc đang quản lý, sử dụng đất:
- Diện tích được giao, được thuê hoặc được công nhận quyền sử dụng: m².
- Thời hạn sử dụng đất:
- Diện tích thực tế đang sử dụng: m².
- Diện tích sử dụng ngoài phạm vi được giao, được thuê hoặc không có hồ sơ pháp lý (nếu có): m².
- Diện tích nằm trong hành lang bảo vệ đê điều, công trình thủy lợi, nguồn nước, giao thông hoặc công trình khác: m².
- Tình trạng thuê lại, cho thuê lại, liên doanh, liên kết mặt bằng:

Trường hợp khu đất có nhiều nguồn gốc, nhiều chủ thể quản lý hoặc nhiều loại đất thì lập bảng chi tiết đối với từng phần diện tích; tổng diện tích các phần phải thống nhất với diện tích thực tế đang sử dụng.

2.3. Tình trạng quy hoạch

- Chức năng sử dụng đất theo quy hoạch:
- Tình trạng phù hợp với Quy hoạch chung thành phố và các quy hoạch có liên quan:
- Công trình, dự án hoặc phương án sử dụng đất dự kiến thực hiện tại khu vực:
- Khả năng đề xuất cập nhật, bổ sung vào quy hoạch:

2.4. Hiện trạng hoạt động

- Thời điểm bắt đầu hoạt động:
- Tình trạng hoạt động tại thời điểm kiểm tra:
- ☐ Đang hoạt động ☐ Hoạt động không thường xuyên ☐ Đã dừng hoạt động ☐ Trường hợp khác:
- Loại hình hoạt động: tập kết, trung chuyển, bốc xếp, vận chuyển, sản xuất, chế biến, kinh doanh hoặc hoạt động khác: ...
- Thời hạn hoạt động theo văn bản được cấp (nếu có):

2.5. Hàng hóa, vật liệu và thiết bị

STT	Chủng loại hàng hóa, vật liệu, khoáng sản	Khối lượng, thể tích tại thời điểm kiểm tra	Nguồn số liệu	Ghi chú
1				
2				

Khối lượng, thể tích ghi theo số liệu do chủ bến, bãi cung cấp hoặc khối lượng ước tính tại thời điểm kiểm tra và phải nêu rõ nguồn số liệu.

- Máy móc, thiết bị đang sử dụng:

2.6. Công trình hiện có

STT	Tên công trình	Vị trí	Kích thước, diện tích	Kết cấu	Mục đích, hiện trạng sử dụng	Hồ sơ pháp lý
1						
2						

Thông kê đầy đủ nhà xưởng, nhà kho, trạm cân, cầu cảng, bến thủy, mố cầu, đường lên xuống bến và các công trình phụ trợ khác.

3. Hồ sơ pháp lý của bến, bãi

Hồ sơ được thống kê theo bảng sau; kèm theo bản sao hoặc bản điện tử các tài liệu hiện có.

STT	Tên hồ sơ	Có/Không/Không thuộc đối tượng	Số, ký hiệu; ngày ban hành	Cơ quan ban hành, xác nhận	Thời hạn hiệu lực	Ghi chú
3.1. Về chủ thể hoạt động và đầu tư						
1	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã hoặc đăng ký hộ kinh doanh.					
2	Quyết định hoặc văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư.					
3	Quyết định chấp thuận nhà đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc văn bản có giá trị tương đương.					
4	Hồ sơ dự án đầu tư; văn bản điều chỉnh, gia hạn và ý kiến của các cơ quan có liên quan.					
5	Hợp đồng thuê, thuê lại, liên doanh, liên kết hoặc văn bản giao quản lý, sử dụng bến, bãi.					
3.2. Về đất đai						
1	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất.					
2	Quyết định giao đất, cho thuê đất; hợp đồng thuê đất.					
3	Trích lục, trích đo bản đồ địa chính; sơ đồ vị trí, ranh giới khu đất.					
4	Biên bản bàn giao đất.					
5	Hồ sơ thuê lại, cho thuê lại, liên doanh, liên kết mặt bằng, nhà xưởng.					
6	Hồ sơ thu hồi, tiếp nhận, bàn giao hoặc giao quản lý quỹ đất (nếu có).					
7	Hồ sơ khác có liên quan.					
3.3. Về quy hoạch, xây dựng						
1	Văn bản cung cấp thông tin, xác nhận hoặc ý kiến về quy hoạch.					
2	Bản vẽ quy hoạch, tổng mặt bằng hoặc hồ sơ bố trí công trình trên khu đất.					
3	Giấy phép xây dựng đối với công trình thuộc trường hợp phải cấp phép.					
4	Hồ sơ thiết kế, nghiệm thu, hoàn công công trình.					

STT	Tên hồ sơ	Có/Không/Không thuộc đối tượng	Số, ký hiệu; ngày ban hành	Cơ quan ban hành, xác nhận	Thời hạn hiệu lực	Ghi chú
5	Hồ sơ khác có liên quan.					
3.4. Về đề điều						
1	Giấy phép hoặc văn bản chấp thuận hoạt động liên quan đến đề điều.					
2	Bản vẽ thiết kế, hồ sơ thi công, nghiệm thu, hoàn công các hạng mục liên quan đến đề điều.					
3	Các văn bản thỏa thuận, chấp thuận khác.					
4	Hồ sơ kiểm tra, xử lý vi phạm và kết quả khắc phục (nếu có).					
3.5. Về thủy lợi						
1	Giấy phép hoặc văn bản chấp thuận hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.					
2	Bản vẽ thiết kế, hồ sơ thi công, nghiệm thu, hoàn công các hạng mục liên quan.					
3	Các văn bản thỏa thuận, chấp thuận khác.					
4	Hồ sơ kiểm tra, xử lý vi phạm và kết quả khắc phục (nếu có).					
3.6. Về môi trường						
1	Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường, đăng ký môi trường hoặc hồ sơ môi trường được xác lập theo quy định tại thời điểm thực hiện.					
2	Hồ sơ công trình, thiết bị thu gom, xử lý nước thải, chất thải, bụi, tiếng ồn.					
3	Hợp đồng, chứng từ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải.					
4	Hồ sơ quan trắc, kiểm tra hoặc tài liệu khác có liên quan.					
3.7. Về giao thông đường thủy nội địa						
1	Quyết định công bố hoạt động bến thủy nội địa hoặc công bố hoạt động cảng thủy nội địa.					
2	Hồ sơ thiết kế, nghiệm thu, hoàn công công trình cảng, bến.					

STT	Tên hồ sơ	Có/Không/Không thuộc đối tượng	Số, ký hiệu; ngày ban hành	Cơ quan ban hành, xác nhận	Thời hạn hiệu lực	Ghi chú
3	Hồ sơ về vùng nước, luồng, báo hiệu và đường kết nối.					
4	Hồ sơ kiểm định, đăng kiểm thiết bị thuộc đối tượng phải thực hiện.					
5	Văn bản thỏa thuận, chấp thuận của cơ quan, đơn vị có liên quan.					
6	Hồ sơ kiểm tra, xử lý vi phạm và kết quả khắc phục (nếu có).					
3.8. Về phòng cháy, chữa cháy, an ninh, trật tự						
1	Hồ sơ về phòng cháy, chữa cháy thuộc trường hợp phải thực hiện.					
2	Hồ sơ, giấy tờ về điều kiện an ninh, trật tự.					
3	Biên bản kiểm tra, văn bản yêu cầu khắc phục và kết quả thực hiện.					
3.9. Về kinh doanh, hàng hóa và khoáng sản						
1	Hồ sơ về điều kiện kinh doanh đối với ngành, nghề kinh doanh có điều kiện.					
2	Hồ sơ liên quan đến hoạt động sản xuất, chế biến, tập kết, kinh doanh khoáng sản.					
3	Hợp đồng mua bán, hóa đơn, chứng từ hoặc tài liệu chứng minh nguồn gốc hàng hóa, vật liệu, khoáng sản.					
4	Hồ sơ khác có liên quan.					
3.10. Về nghĩa vụ tài chính						
1	Hồ sơ thực hiện nghĩa vụ về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền thuê mặt nước.					
2	Hồ sơ kê khai, nộp thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác có liên quan.					
3	Thông báo, quyết định hoặc văn bản xác định nghĩa vụ tài chính còn phải thực hiện.					
3.11. Về thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm						
1	Biên bản kiểm tra, kết luận thanh tra, quyết định xử phạt vi phạm hành chính.					

STT	Tên hồ sơ	Có/Không/Không thuộc đối tượng	Số, ký hiệu; ngày ban hành	Cơ quan ban hành, xác nhận	Thời hạn hiệu lực	Ghi chú
2	Quyết định hoặc văn bản yêu cầu thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.					
3	Kết quả thực hiện quyết định xử lý, kết luận thanh tra và yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.					
4	Nội dung chưa thực hiện; nguyên nhân và thời hạn phải hoàn thành.					

4. Kết quả kiểm tra hiện trường

4.1. Vị trí, diện tích

- Diện tích thực tế phù hợp với hồ sơ đất đai: m².
- Diện tích sử dụng ngoài phạm vi được giao, được thuê: m².
- Diện tích lấn, chiếm hoặc chưa có hồ sơ pháp lý: m².
- Diện tích nằm trong hành lang bảo vệ công trình: m².

4.2. Công trình, hoạt động

- Công trình phù hợp với hồ sơ được cấp, chấp thuận:
- Công trình chưa có hồ sơ, ngoài phạm vi hoặc không đúng nội dung được chấp thuận:
- Hoạt động phù hợp với hồ sơ pháp lý:
- Hoạt động chưa có hồ sơ hoặc không phù hợp với hồ sơ:

5. Vi phạm và kết quả khắc phục

STT	Lĩnh vực	Hành vi, nội dung vi phạm	Căn cứ xác định	Cơ quan có thẩm quyền xử lý	Biện pháp khắc phục	Tình trạng thực hiện	Thời hạn hoàn thành
1	Đầu tư						
2	Đất đai						
3	Quy hoạch, xây dựng						
4	Đê điều						
5	Thủy lợi						
6	Môi trường						

STT	Lĩnh vực	Hành vi, nội dung vi phạm	Căn cứ xác định	Cơ quan có thẩm quyền xử lý	Biện pháp khắc phục	Tình trạng thực hiện	Thời hạn hoàn thành
7	Giao thông						
8	Khoáng sản, hàng hóa						
9	Phòng cháy, chữa cháy; an ninh, trật tự						
10	Thuế và nghĩa vụ tài chính						
11	Lĩnh vực khác						

6. Đánh giá, phân loại và đề xuất phương án xử lý

6.1. Kết quả đối chiếu tiêu chí

- Kết quả đối chiếu tiêu chí đề xuất cập nhật, bổ sung vào các quy hoạch có liên quan:
 - ☐ Đáp ứng ☐ Không đáp ứng Lý do, căn cứ:
- Kết quả đối chiếu tiêu chí xác định vị trí đất đề xuất xem xét cho thuê ngắn hạn:
 - ☐ Đáp ứng ☐ Không đáp ứng Lý do, căn cứ:

6.2. Kết quả phân loại đề xuất

- ☐ Nhóm (1): Đề xuất xem xét cập nhật, bổ sung vào các quy hoạch có liên quan.
- ☐ Nhóm (2): Vị trí đất đề xuất xem xét áp dụng cơ chế cho thuê đất ngắn hạn.
- ☐ Nhóm (3): Đề xuất chấm dứt hoạt động, giải tỏa.
- ☐ Nhóm (4): Khu vực đề xuất bố trí bến, bãi mới (đối với trường hợp chưa hình thành bến, bãi).

6.3. Phương án xử lý

- Thủ tục pháp lý còn thiếu:
- Cơ quan hướng dẫn, giải quyết:
- Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thực hiện:
- Thời hạn hoàn thành:
- Vi phạm phải xử lý, khắc phục:
- Cơ quan có thẩm quyền xử lý:
- Biện pháp và thời hạn khắc phục:

- Nghĩa vụ tài chính còn phải thực hiện:
- Cơ quan xác định, đơn đốc thực hiện:
- Phương án xử lý quỹ đất đối với nhóm (2):
- Phương án, lộ trình chấm dứt hoạt động, di chuyển vật liệu, thiết bị, tháo dỡ công trình và hoàn trả mặt bằng đối với nhóm (3):
.....

7. Thành phần hồ sơ kèm theo

- 1. Biên bản kiểm tra, rà soát.
- 2. Sơ đồ vị trí, ranh giới, diện tích và tọa độ bến, bãi.
- 3. Hình ảnh hiện trạng.
- 4. Bản sao hoặc bản điện tử hồ sơ pháp lý do tổ chức, cá nhân cung cấp.
- 5. Bảng tổng hợp hồ sơ còn thiếu, vi phạm, nghĩa vụ tài chính và phương án xử lý.
- 6. Ý kiến, giải trình của tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng bến, bãi.
- 7. Các tài liệu khác có liên quan.

Lưu ý: Chỉ yêu cầu cung cấp hồ sơ tương ứng với vị trí, loại hình, quy mô và hoạt động thực tế của từng bến, bãi. Trường hợp không thuộc đối tượng phải thực hiện một thủ tục thì ghi rõ “không thuộc đối tượng”; không yêu cầu tổ chức, cá nhân cung cấp hồ sơ không liên quan.

PHỤ LỤC IV
BẢNG TỔNG HỢP VÀ PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ BÊN, BÃI TRÊN ĐỊA BÀN.....(XÃ, PHƯỜNG, ĐẶC KHU)
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

I. NHÓM (1): BỀN, BÃI CẬP NHẬT, BỔ SUNG VÀO QUY HOẠCH

[illegible]

II. NHÓM (2); BỀN, BÃI VẬN DỤNG CHO THUÊ ĐẤT NGẮN HẠN

[illegible]

III. NHÓM (3): BỀN, BÃI PHẢI CHẤM DỨT, GIẢI TOẢ

[illegible]

IV. NHÓM (4): DANH MỤC KHU VỰC ĐỀ XUẤT BỀN, BÃI MỚI

[illegible]

PHỤ LỤC V
ĐỀ CƯƠNG KIỂM TRA, RÀ SOÁT BẾN, BÃI
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2026
của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

1. Nội dung kiểm tra

- Kiểm tra hồ sơ, tài liệu pháp lý liên quan đến việc hình thành, quản lý và hoạt động của từng bến, bãi.
- Kiểm tra, khảo sát thực tế vị trí, ranh giới, diện tích sử dụng đất; công trình, thiết bị, hàng hóa, vật liệu đang tập kết; hoạt động xây dựng, bốc xếp, vận chuyển, sản xuất, chế biến, kinh doanh của chủ bến, bãi và tổ chức, cá nhân thuê, sử dụng bến, bãi.
- Xác định tình trạng quy hoạch, nguồn gốc và hiện trạng sử dụng đất; thủ tục pháp lý đã có, còn thiếu; vi phạm, nghĩa vụ tài chính, kết quả xử lý vi phạm và khả năng khắc phục.
- Đối chiếu Bộ tiêu chí, nguyên tắc đánh giá, phân loại để đề xuất nhóm phân loại và phương án xử lý đối với từng bến, bãi.

2. Kiểm tra hồ sơ pháp lý của bến, bãi

a) Thông tin về chủ thể hoạt động

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã hoặc đăng ký hộ kinh doanh;
- Thông tin về tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý, sử dụng bến, bãi;
- Hợp đồng thuê, thuê lại, liên doanh, liên kết hoặc văn bản giao quản lý, sử dụng bến, bãi, nếu có.

b) Về đầu tư

- Quyết định hoặc văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư;
- Quyết định chấp thuận nhà đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc văn bản có giá trị tương đương, nếu có;
- Hồ sơ dự án đầu tư, văn bản điều chỉnh, gia hạn và ý kiến của các cơ quan có liên quan.

c) Về đất đai

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất;
- Quyết định giao đất, cho thuê đất; hợp đồng thuê đất; biên bản bàn giao đất;
- Trích lục hoặc trích đo bản đồ địa chính, sơ đồ vị trí và ranh giới khu đất;
- Hồ sơ thuê lại, cho thuê lại, liên doanh, liên kết mặt bằng;
- Hồ sơ liên quan đến việc thu hồi, tiếp nhận, bàn giao hoặc giao quản lý quỹ đất, nếu có.

d) Về quy hoạch, xây dựng

- Bản vẽ quy hoạch, tổng mặt bằng hoặc hồ sơ bố trí các công trình trên khu đất;

- Giấy phép xây dựng, hồ sơ thiết kế, nghiệm thu, hoàn công đối với công trình thuộc trường hợp phải thực hiện theo quy định.

đ) Về đề điều

- Giấy phép hoạt động theo Luật Đề điều;

- Các hồ sơ khác liên quan (bản vẽ thiết kế, hoàn công thi công các hạng mục được cấp phép; các văn bản thỏa thuận, chấp thuận...)

e) Về thủy lợi

- Giấy phép hoạt động theo Luật Thủy lợi;

- Các hồ sơ khác liên quan (bản vẽ thiết kế, hoàn công thi công các hạng mục được cấp phép; các văn bản thỏa thuận, chấp thuận...)

g) Về môi trường

- Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường, đăng ký môi trường hoặc hồ sơ môi trường được xác lập theo quy định pháp luật tại thời điểm thực hiện;

- Hồ sơ về công trình, thiết bị thu gom, xử lý nước thải, chất thải, bụi và tiếng ồn;

- Hợp đồng, chứng từ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải và các hồ sơ có liên quan.

h) Về giao thông đường thủy nội địa

- Quyết định công bố hoạt động bến thủy nội địa hoặc công bố hoạt động cảng thủy nội địa;

- Hồ sơ thiết kế, nghiệm thu, hoàn công công trình cảng, bến;

- Hồ sơ về vùng nước, luồng, báo hiệu, thiết bị bóc xếp và an toàn giao thông;

- Các văn bản thỏa thuận, chấp thuận của cơ quan, đơn vị có liên quan.

i) Về phòng cháy, chữa cháy, an ninh, trật tự

- Hồ sơ về phòng cháy, chữa cháy thuộc trường hợp phải thực hiện theo quy định;

- Hồ sơ, giấy tờ về điều kiện an ninh, trật tự;

- Biên bản kiểm tra, văn bản yêu cầu khắc phục và kết quả thực hiện, nếu có.

k) Về kinh doanh, hàng hóa và khoáng sản

- Hồ sơ về điều kiện kinh doanh đối với ngành, nghề kinh doanh có điều kiện;

- Hồ sơ liên quan đến hoạt động sản xuất, chế biến, tập kết, kinh doanh khoáng sản, nếu có.

l) Về nghĩa vụ tài chính và xử lý vi phạm

- Hồ sơ thực hiện nghĩa vụ về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền thuê mặt

nước, thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác;

- Biên bản kiểm tra, kết luận thanh tra, quyết định xử phạt vi phạm hành chính và quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả;
- Kết quả thực hiện các quyết định, kết luận và yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

3. Kiểm tra hiện trường hoạt động bến, bãi

a) Vị trí và diện tích sử dụng

- Địa điểm, tọa độ, vị trí bến, bãi theo tuyến sông, kênh, tuyến đê hoặc công trình thủy lợi;
- Ranh giới, diện tích được giao, được thuê và diện tích thực tế đang sử dụng;
- Phần diện tích sử dụng ngoài ranh giới được giao, được thuê hoặc không có hồ sơ pháp lý;
- Hiện trạng sử dụng đất, mặt nước và hành lang bảo vệ công trình có liên quan.

b) Hiện trạng hoạt động

- Tình trạng hoạt động: đang hoạt động, đã dừng hoạt động hoặc hoạt động không thường xuyên;
- Loại hình hoạt động: tập kết, trung chuyển, bốc xếp, sản xuất, chế biến hoặc kinh doanh;
- Tổ chức, cá nhân đang trực tiếp hoạt động, thuê hoặc sử dụng một phần bến, bãi.

c) Hàng hóa, vật liệu, khoáng sản và thiết bị

- Chung loại hàng hóa, vật liệu, khoáng sản đang tập kết;
- Khối lượng hoặc thể tích ước tính tại thời điểm kiểm tra; số liệu do chủ bến, bãi cung cấp;
- Máy móc, thiết bị bốc xếp, vận chuyển, sản xuất, chế biến đang sử dụng.

d) Công trình hiện có

- Tên, vị trí, kích thước, diện tích, kết cấu và mục đích sử dụng của từng công trình;
- Nhà xưởng, nhà kho, trạm cân, cầu cảng, bến thủy, mố cầu, đường lên xuống bến và công trình phụ trợ;
- Công trình xây dựng ngoài phạm vi được giao, được thuê hoặc không đúng hồ sơ được cấp có thẩm quyền chấp thuận.

đ) Việc chấp hành quy định chuyên ngành

- Tình trạng lấn, chiếm đất, mặt nước, bãi sông và hành lang bảo vệ công trình;
- Ảnh hưởng đến an toàn đê điều, công trình thủy lợi, thoát lũ, phòng, chống thiên tai và sạt lở bờ sông;
- Ảnh hưởng đến luồng, vùng nước, giao thông đường thủy và đường bộ kết nối;

- Hiện trạng thu gom, thoát nước, xử lý nước thải, chất thải, bụi và tiếng ồn;
- Điều kiện về phòng cháy, chữa cháy, an ninh, trật tự và an toàn trong hoạt động.

e) Tài liệu hiện trường

- Sơ đồ vị trí, ranh giới khu vực bến, bãi;
- Tọa độ các điểm góc ranh giới để phục vụ lập bản đồ số;
- Hình ảnh toàn cảnh và hình ảnh các công trình, hàng hóa, vật liệu, vị trí vi phạm;

- Ý kiến của chủ bến, bãi và tổ chức, cá nhân có liên quan.

4. Kết quả kiểm tra và đề xuất xử lý

Đối với từng bến, bãi, Ủy ban nhân dân cấp xã lập hồ sơ theo Phụ lục III kèm theo Kế hoạch, trong đó xác định rõ:

- Hồ sơ pháp lý đã có và hồ sơ, thủ tục còn thiếu;
- Diện tích, công trình, hoạt động phù hợp với hồ sơ và phần chưa phù hợp;
- Vi phạm theo từng lĩnh vực, tình trạng và khả năng khắc phục;
- Nghĩa vụ tài chính đã thực hiện và còn phải thực hiện;
- Kết quả đối chiếu Bộ tiêu chí và nhóm phân loại đề xuất;
- Phương án xử lý, cơ quan thực hiện và thời hạn hoàn thành.

Lưu ý: Chỉ kiểm tra, yêu cầu cung cấp các hồ sơ tương ứng với vị trí, loại hình, quy mô và hoạt động thực tế của từng bến, bãi. Trường hợp không thuộc đối tượng phải thực hiện một thủ tục thì ghi rõ “không thuộc đối tượng”, không yêu cầu chủ bến, bãi cung cấp./.